

Bản án số: 314/2026/HS-PT
Ngày: 15-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Bắc

Ông Hoàng Trí Thúc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hào - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 728/2025/HSPT ngày 12/11/2025 đối với bị cáo Võ Thị L do có kháng cáo của bị cáo L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị L, sinh năm 1977 tại Kiên Giang (nay là An Giang); CCCD số 091177007835; nơi đăng ký thường trú: tổ H, Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang); chỗ ở hiện nay: khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); chồng là Nguyễn Thanh C (đã ly hôn năm 2009) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1996 và nhỏ nhất sinh năm 2003; Bị cáo là con thứ năm trong gia đình có tám chị em; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo L:** Ông Lưu Trí D và Trần Quốc D1 - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (có mặt)

- Bị cáo không có kháng cáo: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay xã H, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 0 giờ 30 phút đến 0 giờ 35 phút ngày 29/11/2024, Công an huyện C (nay là Công an đặc khu C) kiểm tra tại Khách sạn C2 trên đường T, khu dân cư S, huyện C (nay là đường T, khu dân cư S, đặc khu C) phát hiện tại phòng số 9 có Nguyễn Văn S đang mua dâm Dương Thị N nên lập biên bản vụ việc và thu giữ vật chứng gồm: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Aris màu xanh, số Imel 355173110146517, 355173110146525; Số tiền 1.000.000đồng. Tại phòng số 03 cơ quan công an phát hiện Bùi Văn S1 mua dâm Trần Thị Bích P (có biểu hiện mua bán dâm nên mời về trụ sở làm việc (BLĐT: 71 - 72).

Tại cơ quan công an, Nguyễn Văn S và Dương Thị N khai nhận thực hiện việc mua bán dâm thông qua môi giới của Nguyễn Văn H và Võ Thị L. Bùi Văn S1 và Trần Thị Bích P khai nhận thực hiện hành vi mua bán dâm thông qua môi giới của Nguyễn Văn H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C (nay là Công an đặc khu C) ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn H, thu giữ các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 A14, màu: trắng xanh, số sê ri: R58W210F9BJ, gấn sim số: 0981722143, 0946382575; 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu: Nâu vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31. Đồng thời, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C (nay là Công an đặc khu C) tiến hành mời Võ Thị L đến làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H và Võ Thị L khai nhận: Võ Thị L là chủ quán N1 tại khu dân cư S, huyện C (nay là khu dân cư S, đặc khu C). L chung sống với H từ năm 2016 đến năm 2023. Vào khoảng 16 giờ 00 ngày 28 tháng 11 năm 2024, Nguyễn Văn S gọi điện qua Z cho Nguyễn Văn H hỏi “Có búp nào xinh xinh giới thiệu cho em đũa”, H hiểu Soan muốn mua dâm nên nói “mày xuống quán đi, coi lựa được đũa nào thì đi”. Một lát sau, S đến quán N1 uống nước, nói chuyện qua lại với nhân viên của quán (trong đó có Nuôi). Soan muốn mua dâm Nuôi nên gửi hình ảnh Nuôi cho H và hỏi số tiền phải trả khi mua dâm. H trả lời 2.000.000đồng/01 đêm, tiền phòng khách sạn 500.000đồng và tiền xe H chở về khách sạn ở Trung tâm C3 là 500.000đồng, S đồng ý. Sau đó, H gửi hình ảnh của N qua Z cho L rồi điện thoại cho L hỏi N có đi khách không - nghĩa là có đi bán dâm không. L gặp N hỏi “em có đi bán được không? (nghĩa là đi nhậu và bán dâm cho khách) thì N đồng ý. Nuôi hỏi đi với ai, L nói “cái thằng hời chiều uống cà phê nó thích em đó”, “anh H về chở đi”. Sau đó, L điện thoại cho H nói N đồng ý đi bán dâm. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Innova, màu nâu - vàng, biển kiểm soát 68A - 165.31 đến quán N1 chở N

và S. H gọi điện cho chủ khách sạn C2 xanh là Đặng Thị Kim T1 để đặt phòng cho S và N mua bán dâm. Khi đến Khách sạn C2 xanh trên đường T, khu dân cư S, huyện C (nay là đường T, khu dân cư S, đặc khu C), S cho H 200.000đồng (công bồi dưỡng giới thiệu người bán dâm). Sau đó S và N đi vào phòng số 9 Khách sạn C2 để mua bán dâm. Khi cả hai đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng công an huyện C (*nay là Công an đặc khu C*) phát hiện như đã nêu trên.

Nguyễn Văn H khai nhận hành vi môi giới cho Bùi Văn S1 mua dâm Trần Thị Bích P như sau: Khoảng 19 giờ ngày 28/11/2024, Bùi Văn S1 gọi Nguyễn Văn H chở từ trung tâm C3 về Cảng B, H sử dụng xe ô tô hiệu Toyota Innova màu nâu - vàng, BKS: 68A - 165.31 đến đón S1. Trên đường về B, H hỏi S1 “Có em út kìa, muốn đi không?” (nghĩa là có muốn mua dâm không). Qua trao đổi thì H biết, S1 muốn mua dâm Trần Thị Bích P với giá 1.000.000đồng nên H gọi cho P hỏi có muốn đi bán dâm cho S1 không? P trả lời để xíu nữa coi sao. H nói với S1 là P đồng ý đi bán dâm nhưng bây giờ đang bận khách. S1 muốn thuê phòng tại Khách sạn C2 nên H gọi điện cho Đặng Thị Kim T1 chủ khách sạn để đặt phòng. Sau đó, H chở S1 đến khách sạn, S1 thuê phòng số 3 còn H lái xe về B đón P. Khoảng 21 giờ 30 phút, H chở P đến khách sạn C2 và chỉ cho P vào phòng số 3. P vào phòng bán dâm cho S1 rồi cả hai nằm ngủ đến 00 giờ 30 phút ngày 29/11/2024 thì bị Công an huyện C (*nay là Công an đặc khu C*) kiểm tra phát hiện. (BLĐT: 123 - 144).

Võ Thị L ban đầu có thừa nhận hành vi môi giới mại dâm. Sau đó, từ ngày 28/02/2025, L thay đổi lời khai, không thừa nhận có hành vi môi giới mại dâm vì cho rằng khi mới bị triệu tập làm việc khai báo không chính xác. (BLĐT: 147 - 157).

** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:*

- Thu giữ trong phòng số 09 Khách sạn C2: 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ bao cao su màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Aris màu xanh, số Imel 355173110146517, 355173110146525 của Nguyễn Văn S; Số tiền 1.000.000đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Văn H: 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 A14, màu: trắng xanh, số sê ri: R58W210F9BJ, gắn sim số: 0981722143, 0946382575; 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu: Nâu vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31; Số tiền 200.000đồng - Nguyễn Văn H thu lợi bất chính từ việc Môi giới mại dâm (BLĐT: 93).

- Thu giữ của Võ Thị L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen, số seri: R58T320Y0ZV: Đây là điện thoại L dùng liên lạc với Nguyễn Văn H để môi giới bán dâm cho Dương Thị N (BLĐT: 80).

** Xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Aris màu xanh, số Imel 355173110146517, 355173110146525 của Nguyễn Văn S: Quá trình điều tra xác định S tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên ngày 16/12/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C (nay là Công an đặc khu C) ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho Nguyễn Văn S (BLĐT: 81, 89).

- Hiện đang tạm giữ: 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ bao cao su màu xanh; Số tiền 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 A14, màu: trắng xanh, số sê ri: R58W210F9BJ, gắn sim số: 0981722143, 0946382575; 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu: Nâu - vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen, số seri: R58T320Y0ZV.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Võ Thị L phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 328; khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 29/11/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Thị L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (một) vỏ bao cao su màu xanh.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 A14, màu: trắng xanh, số sê ri: R58W210F9BJ, gắn sim số: 0981722143, 0946382575 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen, số seri: R58T320Y0ZV.

- Giao trả lại cho bị cáo L 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu: nâu - vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Ngày 09/10/2025 bị cáo Võ Thị L kháng cáo kêu oan; yêu cầu huỷ toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30/10/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-P7 đề nghị sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh, về phần vật chứng theo hướng áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu: nâu - vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo trình bày bị cáo không giúp sức môi giới bán dâm với bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo bị oan và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P7 ngày 30/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Võ Thị L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trong hạn luật định.

Về nội dung:

Đối với kháng cáo của bị cáo Võ Thị L: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo L có hành vi giúp sức cho bị cáo H trong việc môi giới mại dâm là hoàn toàn có căn cứ và xử phạt bị cáo Võ Thị L 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Môi giới mại dâm” theo Khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng người, đúng tội. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo kêu oan, cho rằng bản thân không giúp sức cho bị cáo H, tuy nhiên không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Về xử lý vật chứng trong vụ án.

Xét thấy bị cáo Võ Thị L là chủ sở hữu chiếc xe Toyota hiệu Innova, biển kiểm soát 68A-165.31; bị cáo H làm nghề tài xế chở khách. Ngày 28/11/2024, Nguyễn Văn S có nhu cầu mua dâm nên liên hệ với H, H nói S tới quán N1 để xem mặt nhân viên của L. Sau khi S chọn được người tên N thì H với L bàn bạc,

thống nhất giới thiệu N cho S, N đồng ý. Khi N đồng ý đi bán dâm thì L nói với N “anh H về chờ đi”, thời điểm này H đang sử dụng chiếc xe ô tô nêu trên của L để đi chở khách.

Như vậy, Võ Thị L có hành vi giúp Nguyễn Văn H thực hiện việc môi giới bán dâm đồng thời L để H dùng xe ô tô của mình chở khách đi đến khách sạn để thực hiện việc mua bán dâm. Do đó, đủ cơ sở để xác định chiếc xe ô tô Toyota hiệu Innova, biển kiểm soát 68A-165.31 do Võ Thị L là chủ sở hữu là phương tiện mà bị cáo L và H dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: “Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy”.

Toà án cấp sơ thẩm tuyên trả lại chiếc xe ô tô Toyota hiệu Innova, biển kiểm soát 68A-165.31 cho bị cáo L là chưa đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu: nâu - vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm, các luật sư cho rằng chưa đủ căn cứ kết tội bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo L và hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần vật chứng theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của luật sư.

5. Nói lời sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Kháng cáo của bị cáo Võ Thị L và Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P7 ngày 30/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trong hạn luật định. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:*

Ngày 28/11/2024 trên địa bàn huyện C (nay là đặc khu C), bị cáo H đã có hành vi môi giới cho N, P đi bán dâm cho S, S1 và thu lợi bất chính số tiền 200.000đồng. Cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 17 giờ 50 phút ngày 28/11/2024 H môi giới cho S mua dâm Dương Thị N với giá 2.000.000đồng/01 lần quan hệ tại Khách sạn C2 trên đường T thuộc khu dân cư S huyện C, thu lợi bất chính 200.000 đồng tiền công.

Lần thứ hai: khoảng 19 giờ 50 phút ngày 28/11/2024 H môi giới cho Bùi Văn S1 mua dâm Trần Thị Bích P với giá 1.000.000đồng/01 lần quan hệ tại Khách sạn C2 trên đường T thuộc khu dân cư S huyện C.

Đối với Võ Thị L: ngày 28/11/2024 Nguyễn Văn S có nhu cầu mua dâm nên liên hệ với H, H nói S tới quán N1 để xem mặt nhân viên của L. Sau khi S chọn được N thì H với L bàn bạc, thống nhất giới thiệu N cho S, N đồng ý. Khi N đồng ý đi bán dâm thì L nói với N “anh H về chờ đi”.

Trong 02 lần bị cáo H môi giới mại dâm như nêu trên, thì bị cáo L đã 01 lần giúp sức cho bị cáo H.

Hành vi của bị cáo H và bị cáo L đã được Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Môi giới mại dâm” theo Điều 328 Bộ luật Hình sự.

[3] *Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Võ Thị L:*

Xét thấy: Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn S và Dương Thị N khai nhận thực hiện việc mua bán dâm thông qua môi giới của Nguyễn Văn H và Võ Thị L.

Quá trình điều tra các tiếp viên của quán N1 do Võ Thị L làm chủ gồm Nguyễn Thị H1, Trần Thị Bích P, Hồ Diệu H2, Nguyễn Thị C1 đều khai nhận H và L còn nhiều lần môi giới để những người này bán dâm trên địa bàn huyện C, tuy nhiên chưa xác định được đối tượng mua dâm nên chưa xử lý hành vi này.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H và Võ Thị L đều khai nhận: L và H chung sống như vợ chồng từ năm 2016 đến năm 2023 có mở quán N1 do L làm chủ. Vào khoảng 16 giờ 00 ngày 28 tháng 11 năm 2024, Nguyễn Văn S gọi cho H hỏi mua dâm, H bảo S xuống quán N1 chọn gái bán dâm; S chọn được N; H điện thoại cho L hỏi N có đi bán dâm không. L hỏi N thì N đồng ý và bảo N chờ để H về chờ đi, sau đó, L điện thoại báo cho H biết và H đã chở N đến khách sạn B1 thì bị bắt.

Võ Thị L ban đầu thừa nhận hành vi môi giới mại dâm. Sau đó, từ ngày 28/02/2025, bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận có hành vi môi giới mại dâm vì cho rằng khi mới bị triệu tập làm việc khai báo không chính xác. (BLĐT: 147 - 157).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo H, lời khai của người mua dâm, người bán dâm và các tiếp viên khác và diễn biến của vụ án; bị cáo cho rằng mình bị oan tuy nhiên bị cáo không có chứng cứ chứng minh nội dung này.

Trong vụ án này bị cáo được tại ngoại và bị cáo cho rằng khi mới bị triệu tập làm việc khai báo không chính xác là không có căn cứ.

Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo L không thừa nhận hành vi môi giới mại dâm của mình nhưng lời khai nhận của chính bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp chứng cứ thu thập của Cơ quan Cảnh sát điều tra khi bắt quả tang và làm việc với bị cáo H cùng những người có liên quan, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị cáo L phạm tội “Môi giới mại dâm”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh “Môi giới mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo L là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đạo đức, nếp sống văn minh xã hội, thuần phong mỹ tục, đời sống văn hóa và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo chưa thừa nhận hành vi phạm tội, chưa thật sự ăn năn hối hận về hành vi của mình nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Toà án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét đầy đủ vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng người, đúng tội. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu nâu - vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31.

Xét thấy: như đã phân tích, bị cáo L đã có hành vi giúp sức bị cáo H trong việc thực hiện phạm tội “Môi giới mại dâm”. Chiếc xe Toyota hiệu Innova, biển kiểm soát 68A-165.31 do bị cáo H sử dụng chở người mua dâm và người bán dâm, chiếc xe trên đứng tên chủ sở hữu là bị cáo L; bị cáo L và bị cáo H chung sống như vợ chồng; bị cáo L giao chiếc xe trên cho bị cáo H sử dụng và bị cáo L

biết được và mặc nhiên chấp nhận để bị cáo H sử dụng chở người mua dâm và người bán dâm đến khách sạn để mua bán dâm, cụ thể bị cáo L nói với người bán dâm Nuôi là “anh H về chở đi”, thời điểm này H đang sử dụng chiếc xe ô tô nêu trên của L để đi chở khách. Như vậy có căn cứ xác định chiếc xe trên là phương tiện phạm tội, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự thì cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí hình sự phúc thẩm:*

Do kháng cáo của bị cáo L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P7 ngày 30/10/2025; sửa bản Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh về phần xử lý vật chứng.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị L phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 328; điểm i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Thị L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Innova, màu: nâu - vàng, số máy: 1TR7413909, số khung: 42G7C9402226, mang biển kiểm soát: 68A - 165.31.

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh) đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/5/2025).

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Võ Thị L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 11, TP HCM;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu (3): Hồ sơ, THS, VP (59).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hiếu

